

Số: 576/QĐ-LĐTBXH

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2020
theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020**

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2020 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 trên phạm vi toàn quốc, kết quả cụ thể như sau:

1. Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo chung cả nước

a) Tỷ lệ hộ nghèo

- Tổng số hộ nghèo: 761.322 hộ, trong đó:

. Hộ nghèo về thu nhập: 716.920 hộ;

. Hộ nghèo thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản: 44.402 hộ;

- Tỷ lệ hộ nghèo: 2,75%.

b) Tỷ lệ hộ cận nghèo

- Tổng số hộ cận nghèo: 986.658 hộ;

- Tỷ lệ hộ cận nghèo: 3,71%.

2. Tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các huyện nghèo

a) Trên địa bàn 62 huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ: 186.504 hộ nghèo (chiếm tỷ lệ 23,42%); 122.578 hộ cận nghèo (chiếm tỷ lệ 15,39%). Trong đó:

- Trên địa bàn 54 huyện nghèo Nhóm 1 theo Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ: 167.900 hộ nghèo (chiếm tỷ lệ 25,67%); 107.210 hộ cận nghèo (chiếm tỷ lệ 16,39%);

- Trên địa bàn 08 huyện thoát nghèo Nhóm 3 theo Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ: 18.604 hộ nghèo (chiếm tỷ lệ 13,06%); 15.368 hộ cận nghèo (chiếm tỷ lệ 10,79%);

b) Trên địa bàn 27 huyện nghèo Nhóm 2 theo Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ: 74.575 hộ nghèo (chiếm tỷ lệ 21,46%); 48.308 hộ cận nghèo (chiếm tỷ lệ 13,90%).

(Các Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo công bố tại Quyết định này là cơ sở để thực hiện các chính sách an sinh xã hội và các chính sách kinh tế, xã hội khác năm 2021.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ căn cứ Quyết định này để chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng;
- Vụ KHTC;
- Trung tâm Thông tin (để đăng website);
- Lưu: VT, VPQGGN.

BỘ TRƯỞNG

Đào Ngọc Dung